TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH BẮC GIANG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/DS-PT

Ngày 15- 4 -2021

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Thạo;

Các Thẩm phán: Ông Hà Văn Nâu; ông Nguyễn Hải Vinh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hương Mai, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 232/TLPT ngày 18/12/2020 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 69/2020/DS- ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐ – PT ngày 18 tháng 02 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2021/QĐ – PT ngày 08/3/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2021/QĐ – PT ngày 08/4/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1953 (đã chết ngày 15/01/2020).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn P: Anh Nguyễn T L, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố T Đ, thị trấn T, huyện H H, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1949 (đã chết ngày 14/01/2021);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Q:

1. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1960 (có mặt);

2. Anh Nguyễn Thành Tr, sinh năm: 1994 (có mặt);

3. Chị Nguyễn Thị P D, sinh năm: 1996 (vắng mặt).

- Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị P D: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1960 (có mặt);

Các đương sự đều cùng nơi cư trú: Tổ dân phố T Đ, thị trấn T, huyện H H, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1.Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1959 (đã chết ngày 14/01/2019).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị B: Anh Nguyễn T L, sinh năm 1981 (có mặt);

2. Anh Nguyễn T L, sinh năm 1981 (có mặt);

3. Bà Nguyễn Thị K, sinh ngày 06/9/1960 (có mặt);

4. Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 2001 (vắng mặt);

5. Cháu Nguyễn Thành L, sinh năm 2009, do chị Đặng Thị Th, sinh năm 1980 là người đại diện theo pháp luật (vắng mặt);

6. Chị Đặng Thị Th, sinh năm: 1980, do anh Nguyễn T L, sinh năm: 1981 là người đại diện theo ủy quyền (có mặt).

Các đương sự đều cùng địa chỉ cư trú: Tổ dân phố T Đ, thị trấn T, huyện H H, tỉnh Bắc Giang.

7. Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H H, tỉnh Bắc Giang, do ông Dương D N – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H H là người đại diện theo ủy quyền (vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

8. Ủy ban nhân dân huyện H H, tỉnh Bắc Giang, do ông Nguyễn Văn C- Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H H đại diện theo ủy quyền (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/02/2009 và đơn khởi kiện ngày 15/7/2009, các lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn P do anh Nguyễn T L là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng trình bày: Anh A là con đẻ của ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị B. Ông Nguyễn Văn P chết ngày 15/01/2020, bà Nguyễn Thị B chết ngày 14/01/2019. Ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị B sinh được 02 người con, anh là Nguyễn T L và anh trai là Nguyễn Văn B, sinh năm 1978, anh B chết năm 2014. Anh B có vợ là Đặng Thị Th, sinh năm 1980, các con là Nguyễn Thành Đ, sinh năm 2001 và Nguyễn Thành L, sinh

năm 2009, hiện cùng ở Tổ dân phố T Đ, thị trấn T, huyện H H, tỉnh Bắc Giang. Anh là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị B, là người đại diện theo ủy quyền của đại diện hợp pháp cho cháu Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Thành L tham gia tố tụng tại Tòa án.

Ông Nguyễn Văn Q là cháu gọi ông Nguyễn Văn P là chú họ. Gia đình anh đang sử dụng diện tích đất thuộc tờ bản đồ số 09, thửa số 3 đo đạc năm 2005 thuộc thôn T Đ, xã Đ T diện tích 99,0m^2, nay là thửa số 2, tờ bản đồ số 66, tổ dân phố T Đ. Nguồn gốc đất là của cụ Nguyễn Văn L (bố đẻ của ông Nguyễn Văn P) sử dụng từ năm 1953, sử dụng ổn định đến năm 1988 thì cụ Nguyễn Văn L chết, ông Nguyễn Văn P tiếp tục sử dụng, đóng thuế đất hàng năm. Năm 1999, ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị B xây dựng nhà nhưng không làm hết phần đất, mà để lại một phần đất trống ở phía đầu hồi giáp đường đi vào xóm, là cổng làng thôn T Đ thị trấn T, huyện H H. Khi đó ông Nguyễn Văn Q đặt vấn đề mượn phần đất trống này để làm hiệu sửa xe đạp, hẹn khi nào gia đình anh cần thì trả lại. Năm 2007, gia đình anh được Ủy ban nhân dân huyện H H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 184599 ngày 09/11/2007. Nhưng sau đó Ủy ban nhân dân huyện H H, tỉnh Bắc Giang quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình anh vì đất chưa chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở, hiện nay gia đình anh vẫn chưa được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2008, gia đình ông Nguyễn Văn Q xây dựng nhà kiên cố, có gác hoành và lợp proximang để lấy chỗ ở tạm. Khi ông Nguyễn Văn Q xây nhà xong ông Nguyễn Văn P đã có ý kiến đòi lại diện tích đất ông Nguyễn Văn Q mượn từ năm 1999 nhưng ông Nguyễn Văn Q không trả. Theo kết quả đo đạc hiện trạng sử dụng đất thì gia đình ông Nguyễn Văn Q lấn chiếm sử dụng của gia đình anh diện tích đất 5,1m^2. Anh yêu cầu ông Nguyễn Văn Q và bà K tháo dỡ ki ốt nền lát gạch đỏ, khung sắt, lợp mái tôn chống nóng, cửa xếp bên ngoài, bên trong là cửa khung nhôm kính để trả cho gia đình anh diện tích đất đã lấn chiếm 5,1m^2. Anh tự nguyện chịu toàn bộ chi phí định giá tài sản và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

* Bị đơn là ông Nguyễn Văn Q trình bày: Ông phải gọi ông Nguyễn Văn P là chú. Gia đình ông đang ở trên thửa đất có diện tích khoảng 680m^2. Nguồn gốc diện tích đất là của ông cha để lại. Trước đây đất của gia đình ông là đất ao, gia đình ông đã

san lấp một nửa ao để làm nhà, hiện tại gia đình ông đã san lấp hết diện tích ao còn lại. Ranh giới giữa giữa đất của gia đình ông với các gia đình bên cạnh không thay đổi gì từ khi gia đình ông sử dụng cho đến nay. Gia đình ông ở trên đất này từ năm 1989 đến nay. Ông đã làm thủ tục kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng hiện nay vẫn chưa được cấp. Trong quá trình sử dụng đất, gia đình ông không có tranh chấp với ai. Thửa đất của gia đình ông có giáp ranh với thửa đất của gia đình ông Nguyễn Văn P (phía Đông Nam). Năm 1999, ông Nguyễn Văn P làm nhà trên ao làng. Năm 2007, ông Nguyễn Văn P đã được Ủy ban nhân dân huyện H H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng ông không ký giáp ranh. Sau khi được biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Nguyễn Văn P được cấp có cả phần đường đi của gia đình ông ra đường 296, ông đã liên tục khiếu nại đến các cơ quan có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân huyện H Hđã ban hành các Quyết định thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Nguyễn Văn P. Việc ông Nguyễn Văn P khởi kiện đòi ông trả 5,1m^2 đất mà gia đình ông đang sử dụng (giáp với đường 296, đã xây tường, lợp mái) là không có căn cứ vì phần đất này không phải đất của ông Nguyễn Văn P, cũng không phải đất của gia đình ông, mà là đất của tập thể. Gia đình ông vẫn sử dụng từ trước đến nay nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện H H, tỉnh Bắc Giang. Do ông Nguyễn Văn C - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 03, tờ bản đố số 99, diện tích 99,0m^2 (nay là thửa đất số 02 tờ bản đồ 66) là đất ao gia đình ông Nguyễn Văn P sử dụng ổn định. Năm 1999, ông Nguyễn Văn P kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được Ủy ban nhân dân huyện H Hcấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 184599 ngày 09/11/2007 mang tên ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị B, diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 99m^2. Sau khi phát hiện sai sót trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Nguyễn Văn P, ngày 21/8/2014,Ủy ban nhân dân huyện H Hđã ban hành Quyết định số 1549/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình ông Nguyễn Văn P thửa đất trên.

Diện tích đất 5,1m^2 ông Nguyễn Văn P và ông Nguyễn Văn Q đang tranh chấp là một phần trong tổng diện tích 99,0m^2 của thửa đất số 02, tờ bản đồ 66.

Trong đó có 72,7m^2 trong chỉ giới quy hoạch hành lang giao thông đường tỉnh 296, có 26,3m^2 nằm ngoài chỉ giới quy hoạch hành lang giao thông đường tỉnh 296 (5,1m^2 đất đang có tranh chấp nằm trong 26,3m^2 ngoài chỉ giới quy hoạch hành lang giao thông đường tỉnh 296). Gia đình ông Nguyễn Văn P vẫn có quyền sử dụng đối với diện tích này. Khi Nhà nước xây dựng hành lang giao thông nếu có thu hồi diện tích đất của gia đình ông Nguyễn Văn P đang sử dụng thì gia đình ông Nguyễn Văn P sẽ được hưởng các chính sách đền bù theo quy định.

Ông Nguyễn Văn P khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Q trả lại diện tích đất tranh chấp 5,1m^2, đề nghị Tòa án xem xét nguồn gốc, quá trình sử dụng và các tài liệu liên quan để quyết định đảm bảo quyền và lợi ích cho người sử dụng đất.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã Đ T (nay là Thị trấn T) trình bày: Thửa đất đang tranh chấp giữa gia đình ông Nguyễn Văn P và ông Nguyễn Văn Q có nguồn gốc là của cụ Nguyễn Văn L sử dụng, không phải đất tập thể. Trước đây là ao, gia đình cụ Nguyễn Văn L sử dụng vào việc thả cá, bèo. Không thuộc quyền sử dụng của gia đình ông Nguyễn Văn Q. Gia đình ông Nguyễn Văn Q có ao liền kề với ao của cụ Nguyễn Văn L. Năm 2007, hộ ông Nguyễn Văn P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hồ sơ cấp tuân thủ đúng quy định, có các hộ liền kề ký giáp ranh. Tuy nhiên, diện tích đất mà hộ ông Nguyễn Văn P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có một phần thuộc hành lang giao thông và chưa được chuyển đổi từ đất nông nghiệp sang đất thổ cư. Vì vậy ông Nguyễn Văn P đã bị thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tòa án giải quyết tranh chấp, đề nghị chỉ tạm giao quyền sử dụng mà không giao quyền sử dụng đối với diện tích thuộc hành lang giao thông.

Ông Nguyễn Đ C - Trưởng thôn T Đ và ông Nguyễn Văn L - Bí thư Chi bộ thôn T Đ cho biết: Về nguồn gốc đất của hộ ông Nguyễn Văn P và hộ ông Nguyễn Văn Q ban đầu là hai ao, phía ngoài là ao của gia đình cụ Nguyễn Văn L (bố đẻ ông Nguyễn Văn P), phía bên trong là ao của gia đình cụ Li (bố đẻ ông Nguyễn Văn Q). Khoảng năm 1998 gia đình ông Nguyễn Văn Q làm nhà cấp 4, lối đi có thể ra cổng làng, hoặc có thể đi ra đường 296 nhưng có lấn vào một phần đất công và một phần góc ao của gia đình ông Nguyễn Văn P. Khi gia đình ông Nguyễn Văn P làm nhà, hai gia đình có thỏa thuận là ông Nguyễn Văn P để cho ông Nguyễn Văn

Q lối đi qua phần đất của ông Nguyễn Văn P để ra đường 296. Tuy nhiên về sau hai bên xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp.

* Tại biên bản định giá tài sản ngày 24/7/2020 có kết quả như sau: Vị trí thửa đất số 03, tờ bản đồ số 09, tại địa chỉ thôn T Đ, xã Đ T, huyện H H, tỉnh Bắc Giang nay là thửa đất số 02, tờ bản đồ 66, tại Tổ dân phố T Đ, thị trấn T, huyện H H, tỉnh Bắc Giang.

+ Đất ở trị giá: 20.000.000 đồng/m^2.

+ Đất nông nghiệp trị giá 500.000 đồng/m^2.

* Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/7/2020, Hội đồng thẩm định tiến hành đo đạc thực địa đối với hai thửa đất:

- Thửa đất số 03, tờ bản đồ số 09, theo bản đồ địa chính là thửa đất số 02, tờ bản đồ 66; địa chỉ thửa đất: Thôn T Đ, xã Đ T (nay là tổ dân phố T Đ, thị trấn T), huyện H H do gia đình ông Nguyễn Văn P đang quản lý sử dụng.

- Thửa đất số 01 tờ bản đồ 66; địa chỉ thửa đất: Thôn T Đ, xã Đ T (nay là tổ dân phố T Đ, thị trấn T), huyện H H do gia đình ông Nguyễn Văn Q đang quản lý sử dụng.

Tài sản trên đất đang có tranh chấp có: 01 kiot nền lát gạch đỏ, khung sắt, lợp mái tôn chống nóng, cửa xếp bên ngoài, bên trong là cửa khung nhôm kính.

* Theo Báo cáo kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất, xác định được:

- Thửa đất số 02, tờ bản đồ 66, đất có diện tích 99,0m^2, vị trí thửa đất tại Tổ dân phố T Đ, thị trấn T, huyện H H, tỉnh Bắc Giang.

- Thửa đất số 01, tờ bản đồ 66, đất có diện tích 638,6m^2, vị trí thửa đất tại Tổ dân phố T Đ, thị trấn T, huyện H H, tỉnh Bắc Giang.

- Diện tích đất tranh chấp là 5,1m^2, trên sơ đồ là hình A1A2A3A6 nằm trong thửa đất số 02 tờ bản đồ số 66.

Với nội dung vụ án như trên, bản án dân sự sơ thẩm số 33/2019/DSST ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P, buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị K phải tháo dỡ tài sản là tường xây, mái tôn, cửa xép trên diện tích 9,9m^2 (ký hiệu ABCD) nằm trong thửa đất số 03, tờ bản đồ số 09 có tổng diện tích 99m^2 tại thôn T Đ, xã Đ T, huyện H H (có sơ đồ kèm theo).

Tạm giao cho ông Nguyễn Văn P được sử dụng diện tích 9,9m^2 (ký hiệu ABCD), nằm trong thửa đất số 03, tờ bản đồ số 09 có tổng diện tích 99m^2 tại thôn T Đ, xã Đ T, huyện H H.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 25/7/2019, ông Nguyễn Văn Q kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 33/2019/DSST ngày 24/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp hòa, tỉnh Bắc Giang.

* Tại Bản án phúc thẩm số 149/2019/DSPT ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang quyết định: Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 33/2019/DSST ngày 24/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa. Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

* Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa đã thụ lý và giải quyết lại vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 69/2020/DS-ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Áp dụng khoản 4 Điều 5, Điều 49, Điều 50, Điều 105 của Luật đất đai năm 2003.

- Điều 163, khoản 2 Điều 169, khoản 1 Điều 174, Điều 255, Điều 256 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2005.

- Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị K phải trả tháo dỡ phần công trình xây dựng gồm 01 kiot nền lát gạch đỏ, khung sắt, lợp mái tôn chống nóng, cửa xếp bên ngoài, bên trong là cửa khung nhôm kính trên diện tích đất 5,1m^2 là hình A1A2A3A6 nằm trong tổng diện tích đất 99,0m^2 tại thửa số 02, tờ bản đồ 66, tại địa chỉ: Tổ dân phố T Đ, thị trấn T, huyện H H, tỉnh Bắc Giang (Như sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo bản án).

Tạm giao cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị B là anh Nguyễn T L quản lý sử dụng đối với diện tích đất 5,1m^2 là hình A1A2A3A6 nằm trong tổng diện tích đất 99,0m^2 tại thửa số 02, tờ bản đồ 66, tại địa chỉ: Tổ dân phố T Đ, thị trấn T, huyện H H, tỉnh Bắc Giang (Như sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo bản án).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/9/2020, ông Nguyễn Văn Q kháng cáo.

Nội dung ông Nguyễn Văn Q kháng cáo: Không chấp nhận bản án dân sự sơ thẩm số 69/2020/DS- ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 69/2020/DS- ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn T L là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn P không thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện; Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Q là bà Nguyễn Thị K, chị Nguyễn Thị Kim Dung (do bà Nguyễn Thị K đại diện theo ủy quyền), anh Nguyễn Thành Tr không thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Bà Nguyễn Thị K trình bày: Nguồn gốc đất đang tranh chấp giữa gia đình bà và gia đình ông Nguyễn Văn P trước đây là đất tập thể, gia đình bà là người đầu tiên dọn đến ở, không lấn chiếm đất của gia đình ông Nguyễn Văn Q, nhưng bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xác định 5,1m^2 đất đang có tranh chấp gia đình bà lấn chiếm của ông Nguyễn Văn P và buộc ông Nguyễn Văn Q và bà phải trả cho gia đình ông Nguyễn Văn P diện tích 5,1m^2 đất bà không đồng ý. Quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang không thông báo các văn bản tố tụng để bà tham gia các phiên họp, phiên hòa giải, không được tham gia phiên tòa sơ thẩm, không được giao bản án sơ thẩm. Bà đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm số 69/2020/DS- ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất.

Anh Nguyễn Thành Tr trình bày: Đồng ý với nội dung trình bày của bà Nguyễn Thị K, không thay đổi, bổ sung gì.

Anh Nguyễn T L trình bày: Không đồng ý với nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q do bà Nguyễn Thị K, anh Nguyễn Thành Tr, chị Nguyễn Thị P D kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ngoài ra anh Nguyễn T L không còn ý kiến nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 306 của Bộ luật tố tụng dân sự:

- *Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán:* Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; thực hiện việc giao thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát và các đương sự theo đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật tố tụng dân sự; chấp hành đúng thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 286 Bộ luật tố tụng dân sự; thực hiện việc gửi hồ sơ vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, tham gia phiên tòa; việc giao quyết định đưa vụ án ra xét xử cho người liên quan đến việc kháng cáo đúng thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 290, Điều 292 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử:* Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm: Xét xử đúng, đủ thành phần theo quyết định đưa vụ án ra xét xử; trình tự thủ tục tại phiên tòa đúng quy định tại các Điều 297, 298, 302, 303, 305, 306 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của thư ký phiên tòa:* Thư ký phiên tòa đã phổ biến nội quy phiên tòa; kiểm tra sự có mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án và thực hiện các việc khác theo đúng quy định tại Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với đương sự:

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn, của bị đơn đã thực hiện đúng các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn, bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H H vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt nhưng họ không có liên quan đến kháng cáo và không ảnh hưởng đến việc giải quyết kháng cáo.

- *Quan điểm về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q (do bà Nguyễn Thị K, anh Nguyễn Thành Tr, chị Nguyễn Thị P D kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng). Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 69/2020/DS- ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn Q (do bà Nguyễn Thị K, anh Nguyễn Thành Tr, chị Nguyễn Thị P D kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H H vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; đại diện Ủy ban nhân dân huyện H H anh Nguyễn Thành Đ, cháu Nguyễn Thành L (do chị Đặng Thị Th, sinh năm 1980 là người đại diện theo pháp luật) vắng mặt nhưng những người này không có liên quan đến kháng cáo và việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết kháng cáo. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nêu trên theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q (do bà Nguyễn Thị K, anh Nguyễn Thành Tr, chị Nguyễn Thị P D kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng).

[2.1] Kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử thấy: Theo quy định tại Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, hủy một phần bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: *Việc thu thập chứng cứ và chứng minh không theo đúng quy định tại Chương VII của Bộ luật này hoặc chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được.*

Thành phần của Hội đồng xét xử sơ thẩm không đúng quy định của Bộ luật này hoặc có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự".

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành việc thu thập chứng cứ và chứng minh đầy đủ và đúng quy định tại chương VII của Bộ luật tố tụng dân sự; thành phần Hội

đồng xét xử đúng quy định của tại Điều 63 của Bộ luật tố tụng dân sự; quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện việc thông báo thụ lý vụ án cho bà Nguyễn Thị K đúng quy định tại Điều 196 của Bộ luật tố tụng dân sự (bút lục số 363, 373), thông báo cho bà Nguyễn Thị K để bà tham gia phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định tại Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự (bút lục số 379); các thủ tục xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản bà Nguyễn Thị K đều được thông báo và bà Nguyễn Thị K có mặt tham gia đầy đủ theo quy định tai Điều 101,104 Bộ luật tố tụng dân sự (bút lục 397,398,399,40,401,402,403); Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, bản án sơ thẩm được giao cho bà Nguyễn Thị K đúng quy định tại các Điều 220, Điều 233, Điều 269 Bộ luật tố tụng dân sự (bút lục 411, 427, 468). Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Bà Nguyễn Thị K khai tại phiên tòa phúc thẩm, bà không được Tòa án cấp sơ thẩm giao các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để bà thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình là không có căn cứ. Vì vậy không có căn cứ để hủy bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu của bà Nguyễn Thị K đề nghị giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất. Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ được thể hiện trong hồ sơ vụ án, xác định nguồn gốc đất mà gia đình ông Nguyễn Văn P và gia đình ông Nguyễn Văn Q đang sử dụng là diện tích ao của cụ Nguyễn Văn L (là bố đẻ của ông Nguyễn Văn P) và cụ Li (là bố đẻ của ông Nguyễn Văn Q) để lại cho các ông. Ao của cụ Nguyễn Văn L ở phía ngoài tiếp giáp với đường tỉnh 296, nay là thửa số 01, tờ bản đồ 66, địa điểm: Tổ dân phố T Đ, thị trấn T, huyện H H, tỉnh Bắc Giang, đất có diện tích 99,0m^2; ao của cụ Li giáp với ao của cụ Nguyễn Văn L nhưng ở phía trong, nay là thửa số 2, tờ bản đồ 66, địa điểm: Tổ dân phố T Đ, thị trấn T, huyện H H, tỉnh Bắc Giang, đất có diện tích 638,6m^2. Ông Nguyễn Văn Q xác định diện tích đất tranh chấp 5,1m^2 không nằm trong tổng diện tích đất do gia đình ông đang quản lý sử dụng, mà là đất của tập thể nhưng ông Nguyễn Văn Q xác định có việc thỏa thuận giữa ông và ông Nguyễn Văn P liên quan đến diện tích đất tranh chấp giữa các bên. Theo đại diện của thôn T Đ (nay là tổ dân phố T Đ) thì vào khoảng năm 1998 thì gia đình ông Nguyễn Văn Q làm nhà cấp 4, lối đi có thể đi ra đường cổng làng,

hoặc có thể đi ra đường 296 nhưng có phạm vào một phần đất công và một phần góc ao của gia đình ông Nguyễn Văn P. Sau một vài năm thì gia đình ông Nguyễn Văn P cũng làm nhà, hai gia đình có thỏa thuận, ông Nguyễn Văn P để cho ông Nguyễn Văn Q lối đi qua phần đất của ông Nguyễn Văn P để đi ra đường 296.

Khi gia đình ông Nguyễn Văn P làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 99,0m^2 thuộc thửa số 3, tờ bản đồ số 09 tại thôn T Đ, xã Đ T nay là thửa số 02, tờ bản đồ 66 tại địa chỉ tổ dân phố T Đ, thị trấn T, hồ sơ có đầy đủ các thủ tục có xác nhận từ thôn (nay là tổ dân phố) đến Ủy ban nhân dân xã (nay là thị trấn), có chữ ký giáp ranh của các hộ liền kề. Tòa án chỉ thu thập được bản sao mà không thu thập được bản gốc biên bản xác định ranh giới, mốc giới của thửa đất, trong biên bản thể hiện có chữ ký Nguyễn Văn Q là hộ liền kề nhưng ông Nguyễn Văn Q không thừa nhận đó là chữ ký của mình, do không thu thập được bản gốc của tài liệu này nên không có căn cứ để trưng cầu giám định. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 24/12/2009 tại Tòa án, ông Nguyễn Văn Q đã thừa nhận có ký giáp ranh để cho ông Nguyễn Văn P làm sổ đỏ. Ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị B được Ủy ban nhân dân huyện H Hcấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 184599 ngày 09/11/2007. Sau khi phát hiện sai sót khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cấp không đúng mục đích sử dụng do ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị B chưa chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất thổ cư), nên ngày 21/8/2014, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 1549/QĐ-UBND thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị B. Ủy ban nhân dân huyện H Hxác định ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị B vẫn có quyền sử dụng đối với diện tích đất này. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định diện tích 5,1m^2 là hình A1A2A3A6 nằm trong tổng diện tích đất 99,0m^2. Như vậy, có đủ căn cứ xác định diện tích đất 5,1m^2 mà gia đình ông Nguyễn Văn P yêu cầu ông Nguyễn Văn Q và bà K trả lại nằm trong tổng diện tích 99,0m^2 thuộc thửa số 2, tờ bản đồ 66 thuộc quyền sử dụng của gia đình ông Nguyễn Văn P.

Thửa đất của gia đình ông Nguyễn Văn Q có phía tiếp giáp với ngõ đi chung, do vậy gia đình ông Nguyễn Văn Q có thể mở lối đi khác ra đường ngõ (có sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo bản án). Bản án sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị K phải tháo dỡ công trình xây dựng trả ông Nguyễn Văn Q bà Nguyễn Thị B diện tích đất 5,1m^2 là hình A1A2A3A6 nằm trong tổng diện tích đất

99,0m^2 (Như sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo bản án) là có căn cứ đúng quy định tại Điều 166 Luật đất đai và Điều 174 Bộ luật dân sự. Do đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên tạm giao cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị B là anh Nguyễn T L quản lý sử dụng đối với diện tích đất này theo quy định tại khoản 4 Điều 5; Điều 49, Điều 50, Điều 105 của Luật đất đai năm 2003. Các Điều 163, khoản 2 Điều 169, khoản 1 Điều 174, Điều 255, Điều 256 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy: Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 69/2020/DS- ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

[3] Án phí: Ông Nguyễn Văn Q là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm, miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 148, Điều 294, Điều 296 khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q (do bà Nguyễn Thị K, anh Nguyễn Thành Tr, chị Nguyễn Thị P D kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng).

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 69/2020/DS- ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Áp dụng khoản 4 Điều 5, Điều 49, Điều 50, Điều 105, Điều 107 của Luật đất đai năm 2003;

- Các Điều 163, khoản 2 Điều 169, khoản 1 Điều 174, Điều 255, Điều 256, Điều 265 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2005.

- Các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc ông Nguyễn Văn Q (do bà Nguyễn Thị K, anh Nguyễn Thành Tr, chị Nguyễn Thị P D là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng) và bà Nguyễn Thị K phải trả tháo dỡ phần công trình xây dựng gồm 01 kiot nền lát gạch đỏ, khung sắt, lợp mái tôn chống nóng, cửa xếp bên ngoài, bên trong là cửa khung nhôm kính trên diện tích đất 5,1m^2 là hình A1A2A3A6 nằm trong tổng diện tích đất 99,0m^2 tại thửa số 02, tờ bản đồ 66, tại địa chỉ: Tổ dân phố T Đ, thị trấn T, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (Như sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo bản án).

Tạm giao cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị B là anh Nguyễn T L quản lý sử dụng đối với diện tích đất 5,1m^2 là hình A1A2A3A6 nằm trong tổng diện tích đất 99,0m^2 tại thửa số 02, tờ bản đồ 66, tại địa chỉ: Tổ dân phố T Đ, thị trấn T, huyện H H, tỉnh Bắc Giang (Như sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo bản án).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Xuân Thạo